

VỪA ĐI VỪA CHÉP — RỪNG BẮC — Tiết 4

13/6/2001.

Buổi sáng thức dậy lúc 5 giờ, dạo quanh nhà khách Lạng Sơn một lát, khí trời có vẻ mát mẻ, dễ chịu nhưng vẫn mang chút gì đó của không khí miền cao.

Sáng nay chia tay anh em xứ Lạng. Chu đáo quá, nào anh Hạnh, anh Trung, anh Thiết của Lạng Sơn bám theo chúng tôi suốt hai ngày. Mệt mỏi nhưng vui. Xin cảm ơn nhiều anh em xứ Lạng, sôi nổi và nhiệt tình mến khách đến là thương. Đoàn chúng tôi chưa ai thấm mệt, mặc dầu đi xa. Chiều hôm qua trong bữa cơm tối có bốn món đặc sản xứ Lạng, anh em nhấm với rượu kẻ đã nhiều. Tôi uống vài ly rượu Mẫu Sơn đã choáng váng. Tối hôm nay đi dạo phố núi Lạng Sơn, sương mù từng tầng tạt lạnh lạnh. Về đêm xứ Lạng thường có mưa.

Từ Lạng Sơn, chúng tôi đi về hướng Tân Thanh, đến Thất Khê, Đông Khê, ngược về huyện Thạch An lên Phục Hoà, Quảng Hoà và vào địa phận đất Cao Bằng.

Từ Tân Thanh rẽ về Nà Hình, đến thị trấn Na Sầm, vượt đèo Bó Củng dài chừng hai mươi cây số, đường hẹp, hiểm trở. Xe bắt đầu lội qua những đoạn không êm. Chao



Đèo Bó Củng (Internet)

ôi là đèo mây ngun
ngút! Trận mưa trong
đêm làm cho đường núi
nhão lên, xe lút bánh.
Đến Tràng Định lúc 10

giờ. Dân xứ Lạng trồng lúa nước đã quen. Nhà ở của dân người Tày, Nùng không giống như nhà sàn của người Rhade, Ba na... ở Tây nguyên. Họ xây cất nhà như dân tộc Kinh. Kinh tề chủ yếu là nông nghiệp, trồng bắp một vụ và lúa một vụ. Nhiều dải ruộng bậc thang thoai thoải dần đồ xuống thung lũng và bôn địa. Xe chúng tôi chạy giữa những dãy núi đá vôi dựng đứng theo hướng đông nam-tây bắc xếp như hình rẽ quạt. Những sườn núi già phủ xanh um cây bụi, vài chỗ lộ ra những măng lớn đá vôi trắng toát. Từ xa trông lên những măng màu xanh như lụa phủ trên sườn núi. Núi và trời hài hoà trong game màu xanh dịu mắt. Người dân không phá rừng, không làm ruộng rẫy nên nương có nhưng không nhiều như Hà Giang. Gà và vịt là hai loại gia cầm được nuôi nhiều. Bò và trâu không thấy trên đường chúng tôi qua, chỉ nhìn thấy một con ngựa trắng, một con màu lửa và một con đốm trắng – lửa, từ xa mà nhìn như màu của lông bò.

Đèo Lũng Phầy (Bông Lau – A: Internet)



Xe qua đèo Lũng Phầy, đèo rất dài và hẹp. hôm qua mưa lớn đổ về xứ Lạng, nước từ núi tràn xuống chảy băng qua đường như đang là mùa mưa lũ miền xuôi. Đèo Lũng Phầy, cũng gọi Bông

Lau, một bên là sườn núi dựng, một bên là vực sâu ngút mắt. Tại con đèo này những năm 1947 – 1950 quân Pháp đã thất điên bát đảo, thua quân ta nặng nề. Trận ngày 25 tháng 3 năm 1949 quân ta phục kích đò xe quân Pháp từ Thất Khê lên Đông Khê (Cao Bằng) gây thiệt hại cho chúng. Ngày 18 tháng 6 năm 1949, lại một trận phục kích nữa từ Thất Khê lên Đông Khê. Ngày 3 tháng 9 năm 1949, lại lần nữa, quân ta phục kích đoàn xe quân sự Pháp từ Thất Khê lên Đông Khê, gây thiệt hại lớn cho quân Pháp. Chúng tôi đã nhìn thấy hàng trăm rẫy ngô ngấm nước. Dân công giở ra rừng thu hoạch. Từ Lũng Phầy, huyện Tràng Định, chúng tôi vào thị trấn Đông Khê. Đến đây đã là địa giới của Cao Bằng. Nghỉ và ăn cơm trưa tại Đông Khê thuộc huyện Thạch An. Trời nắng gắt, hắt xuống mặt đường nhựa chói chang. Chúng tôi ngồi trong quán nhỏ " *Tân dân cơm phở*" ven đường, bên bìa rừng Đông Khê, núi vây tứ bề hùng vĩ. Bữa cơm có rượu Đông Khê nhấm cùng món búp chuối nấu

canh với giò heo, giò gà phủ lên mùi vị thơm ngon. Búp chuối cắt ra từng khúc giống kiểu chế biến của người dân tộc thiểu số ở Tây nguyên mà tôi đã từng ăn mỗi bữa những năm 1977-1979 khi đang ở Eaktur, KrôngPắc, Đắklăk.

Đã qua cầu Bông Lau và đèo Bông Lau. Tại đèo Lũng Phây, ngày 18 tháng 9 năm 1950 mặt trận Đông Khê nổ ra ở đây. Là chiến dịch biên giới nhằm khai thông hành lang sang Trung Quốc. Chúng tôi đã đến nơi chiến trường xưa trong chiến dịch biên giới năm 1950. Theo người dân tại đây - huyện Thạch An - cho biết nơi Bác Hồ đóng doanh trại chỉ huy chiến dịch cách chỗ chúng tôi ngồi ăn cơm trưa bữa nay ngày 13 tháng 6 năm 2001 chừng mười lăm cây số chim bay, dọc theo biên giới Trung Quốc.

Từ Đông Khê về Phục Hòa, chúng tôi phải chạy một đường vòng để tránh những đoạn đường xấu, khó đi sau trận mưa đêm nặng hạt tối qua. Và như thế theo lộ trình phải thêm 30 km nữa. Chúng tôi đang đi trên đường số 3. Hai bên cơ mang nào là bắp, ruộng lúa, núi rừng. Do trận mưa đêm nên có nơi trời mát, âm u nhưng độ ẩm trong không khí chắc là rất cao nên vẫn nghe trong người nóng râm ran. Đường quốc lộ ngoằn ngoèo qua rất nhiều con dốc thoai thoải ôm theo chân núi, Cảnh rừng đông bắc quả thật là đẹp và hùng vĩ. Đến Quảng Hoà nghỉ giữa đường truông, chúng tôi chẻ dưa hấu ra giải khát, ngồi xuống đường xem phong cảnh ngoạn mục của núi rừng. Thật sự là nhìn cho đã mắt! Tại đây, tôi có chụp ba kiểu hình kỷ niệm. Lại tiếp tục đi về phía đèo Mã Phục. Đèo hiểm trở. Đường hẹp, đây là địa phận xã Quốc Toàn.

Đèo Mã Phục (Internet)

Xe chạy thêm chừng mười lăm phút, gặp km bên đường báo hiệu chúng tôi cách Cao Bằng mười một cây số nữa. Trên xe ai cũng hộp hộp trông mong. Băng qua cầu Bằng Giang bắt qua sông Nà Lèng chạy giữa lòng thị xã Cao Bằng. Nước sông pha màu của phù sa, yên ả chảy dưới ánh nắng chiều vùng cao xứ núi.



Đứng từ tầng Ba nhà khách Bằng Giang nhìn về hướng đông, nắng trải vàng rực rỡ. Thật đẹp. Núi ! Vẫn là núi vây quanh thị xã một màu xanh ngút mắt như trong tranh vẽ. Hoàng hôn mây bay về vây quanh đồi núi như tranh, có thể còn đẹp hơn tranh thủy mặc. Trong không gian văn hóa vùng cao khí trời se lạnh – một không gian dễ chịu. Thế là đêm nay ngủ tại Cao Bằng, điều mà khi còn là học trò chỉ thấy Cao Bằng qua bản đồ hành chính thôi. Không thể nghĩ đến có một ngày nào đó như ngày hôm nay được đặt chân đến Cao Bằng lộng gió, nơi tuyến đầu đất nước nhìn ngắm vùng cao nơi có những ngọn núi lưng trời và đèo cao gió lộng. Tôi phát thảo về chiều biên giới:

*Chiều biên giới Việt Trung
Còn nơi nào xa hơn*

*Ở đầu gió, đầu núi
Chập chùng đây biên cương*

*Rừng xanh xanh mướt xanh
Đi dọc chiều biên giới
Đêm Cao Bằng lưu luyến
Cả trời sao băng khuâng*

*Đằm thắm dưới trời hè
Nên lòng chơi vui nhớ
Đi giữa mùa tháng sáu
Cao Bằng ơi mênh mang.*

Đọc thử với cô bạn cùng đi. Cô bảo: Chà anh! Nghe hơi hướm quen quen ở đâu rồi! Tôi chặc lưỡi: Thật sao, chắc là lộn của ai rồi đây!

Đến Cao Bằng mà không lên Pắc Pó xem như chưa biết Cao Bằng. Và thế là chúng tôi đến Pắc Pó bằng cách băng qua Hà Quảng theo đường kính của huyện. Đến nhà Bảo tàng Hồ Chí Minh ở Pắc Pó. Tại đây được nghe lúc Bác Hồ về lại đất nước hoạt động cách mạng từ tháng 2/1941 đến 1945. Sau 30 năm xa xứ nay Bác Hồ mới trở về Tổ quốc thân yêu. Theo lời kể của cô Châu - thuyết minh nhà Bảo tàng - cho biết khi về đến Tổ quốc, Bác đã bốc nắm đất lên hôn và rung rung nước mắt!

Bác về nước ngày 8 tháng 2 năm 1941 vào một buổi trưa, trời nắng hanh vàng của xứ sở Cao Bằng hùng vĩ. Buổi đầu tiên Bác về ở nhà ông Lý Quốc Súng, sau đó vài

tháng dờì vào hang Cốc Pó. Hang Cốc Pó thuộc xóm Pắc bó, xã Trường An, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng¹. Tại đây Người lấy tên là già Thu, hàng ngày Bác ăn vận như một lão nông người Nùng. Dân làng Pắc Pó tặng Bác một đôi giày vải cổ truyền màu xanh. Dụng cụ sinh hoạt hằng ngày Bác dùng trong những năm ở Pắc Pó đơn giản: chén đĩa loại cũ, một vài hủ sành đã vỡ. Ở đây, thiên nhiên tươi đẹp, vừa hoạt động cách mạng, vừa làm thơ, Bác đã có những vần thơ vào những giờ nghỉ ngơi bên bờ suối:

*Non xanh xanh nước xanh xanh
Nào phải thên thang mới gọi là
Đây suối Lê Nin kia núi Mác
Hai tay gìn giữ một sơn hà.*

Suối Lê Nin

Con suối chảy ngàn đời nay từ hang Cốc Pó ra, Bác đặt tên là suối Lê Nin và ngọn núi đứng bên giòng suối Bác đặt tên là núi Mác.

Trong những năm ở đây, mùa đông lạnh buốt, vậy mà Bác vẫn sống và làm việc vì dân, vì nước. Chúng tôi được vào tận chỗ Bác nằm. Giường nằm lót bằng năm tấm ván, rộng chừng hai tấc và dài chừng một mét tám (ước chừng như thế), kê trên những tảng đá vôi, quanh năm lạnh lạnh, riêng mùa đông thì rất lạnh. Nước cứ nhỏ từng giọt,



¹ Pắc bó: Tiếng Tày, Nùng có nghĩa là mỏ nước có miệng chảy ra. (Pắc: mỏ nước; bó: miệng)

từng giọt vào mùa mưa. Lúc đoàn chúng tôi vào thăm, nước vẫn nhỏ giọt như thế. Ăn uống của Bác ở đây rất kham khổ. Ấy thế, nên Bác lạc quan có thơ:

*Sáng ra bờ suối tối vào hang
Cháo bẹ, rau măng đã sẵn sàng
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang.*

*

Ở phòng trưng bày của Bảo tàng, chúng tôi gặp số báo đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam viết bằng tay (kiểu chữ chân phương) dễ đọc, mang số 101 và có tên là *Việt Nam Độc Lập* ra ngày 1.8.1941.

Bảng Chương trình Việt Minh cũng viết bằng tay. Người thuyết minh - cô Châu - cho hay rằng do chính Bác Hồ viết.

Tại hang Pắc bó, chúng tôi tìm hiểu vấn đề cơm nước cho Bác như thế nào thì được cho biết phần cơm nước hằng ngày phục vụ cho Bác là ông Mai Quốc Việt. Bếp nấu cơm được đặt bên một con suối mát rượi. Hôm chúng tôi đến được giới thiệu còn là một bệ đá. Cạnh bên là di tích gốc cây ổi mà Bác đã hái lá nấu uống thay cho chè mỗi bữa.

Mười giờ thiếu hai mươi phút, đoàn chúng tôi quyết định leo lên dốc qua chùng một ngàn bậc tam cấp lên cột mốc 108, nơi Bác đã vượt qua đây là biên giới giữa ta với Trung Quốc vào ngày 28/1/1941 để trở về nước lãnh đạo cách mạng. Lên đến nơi mồ hôi vỡ ra, ai cũng thở gấp!

Cột mốc 108



Chúng tôi nghỉ chân dưới bóng một cây nhãn Kim giao mận. Gió núi thổi tạt ngang mát rượi, ráo hoắc mồ hôi. Lại băng lau lách, vượt qua những bụi gai mắt mèo, chúng tôi nối nhau trèo lên cột mốc 108. Cột khắc nhiều chữ

Tàu màu đỏ (khó đọc). Tại đây chụp mấy kiểu hình lưu niệm. Điểm lại thiếu anh Quang (Liên Chiêu), anh Vàng (Hoà Vàng), anh Thập (Sơn Trà) là không lên một ngàn tam cấp được. Cô Châu - hướng dẫn viên du lịch - vẫn bám theo chúng tôi thường xuyên, trông cô không tỏ ra mệt mỏi, chắc đã quen như thế mỗi ngày. Vài anh đứng quay người về phía Trung Quốc hét vang lên động cả một khu rừng. Vui! Sang đất Trung Quốc được chừng 15 mét đã vui rồi! Gặp một hàng rào bằng cây rừng đơn giản, chủ yếu là không cho bò, dê băng sang nhau !

Nhìn cột mốc 108 nghiêng, chúng tôi hỏi cô Châu và được trả lời rằng người Trung Quốc muốn như vậy. Cứ nhường cột nghiêng sang ta một ly, tất kéo dài cũng cả dặm chứ chơi !

Từ đây, nhìn sang bên Trung Quốc, họ đang trồng bắp. Rừng ở Pắc Pó xanh rờn, hùng vĩ.
Xuống núi.

*

Chúng tôi ăn cơm dã ngoại cùng các anh Cao Bằng. Cơm nắm chấm muối vừng với trứng vịt, ngan và chả. Cơm ngon, nắm lại như chiếc bánh.

Từ nơi đây, chúng tôi đi Khuổi Nậm². *Khuổi Nậm rì rào suối cao từng mây. Chiều nay bóng ai về lưng đèo, cảm xúc theo câu hát, chúng tôi đi, băng theo đường bộ cách suối Lê Nin chừng tám trăm mét. Tại Khuổi Nậm nước từ suối chảy ra róc rách, mát lịm, trong veo. Lán Khuổi Nậm gác một bên giòng chảy, làm bằng gỗ rừng, lợp lá như một nhà sàn. Cạnh bên là cây Kim Giao do Đại tướng Võ Nguyên Giáp trồng hồi mới từ Pắc Pó dời sang. Trước lán Khuổi Nậm là cây Vàng anh, tiếng Tày, Nùng gọi là Mộng mạ. Nơi cây Mộng mạ giao liên sẽ đưa cơm nước, tài liệu vào cho Bác. Hằng ngày Bác không tiếp xúc ai trừ một cô gái tên Thông, người Tày mang trực tiếp tài liệu vào cho Bác - cô Châu - hướng dẫn viên cho biết như vậy.*

Trên đường băng theo con mương, nước chảy róc rách, chúng tôi vào Khuổi Nậm. Đi ngang qua một hang sâu có tên là hang Xí Biền, trước hang Xí Biền có cây Vàng Anh, tại cây Vàng Anh này là nơi đưa cơm và tài liệu cho Bác khi Bác chưa về Khuổi Nậm.

Vì sao Bác về Khuổi Nậm ?

Cô Châu cho biết: Ấy là khi còn ở hang Pắc Pó, có hai cán bộ về vùng sâu công tác tuyên truyền bị địch bắt. Bác nghĩ có thể có động nên dời từ Pắc Pó về Khuổi Nậm .

² Khuổi; Khe; Nậm; nước (Tiếng Tày, Nùng)

Chuyện là thế. Về sau được biết hai cán bộ đã không khai nên Pắc Pó không bị lộ.

Khuổi Nậm



Đi một đoạn đến hang Diêm Tiêu, mặc dầu ở Khuổi Nậm nhưng tài liệu Bác giấu tại hang Diêm Tiêu này. Điều đó cho hay rằng Bác luôn cảnh giác với địch.

Dừng chân tại lán Khuổi Nậm ba mươi phút. Đường vào Khuổi Nậm ve kêu râm ran, hoà với tiếng rì rầm của suối như thể cảnh tiên rồi còn gì ! Tại lán Khuổi Nậm nơi Bác Hồ ở từ tháng 2 năm 1941 đến tháng 5 năm 1945. Nơi đây đã diễn ra Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII từ ngày 10 tháng 5 đến 19 tháng 5 năm 1945 nhằm chuẩn bị mọi điều kiện cho cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám 1945, giành chính quyền trên cả nước.

Và cũng không quên rằng, ven chân núi khi chúng tôi vào thăm Khuổi Nậm, có một loài hoa nở màu trắng quanh năm. Đây là hoa Biooc cà. Những chám trắng màu hoa điểm tô vùng núi non hiểm trở này như bức tranh thiên nhiên gần gũi.

Khi Bác cho dời cơ quan Trung ương từ Pắc Pó về Khuổi Nậm, mọi người lần lượt chuyển tất cả công văn, giấy tờ, các loại tài liệu... đồ dùng hằng ngày xong, còn một

việc chưa chuyển được. Bác bảo: Các chú đã chuyển hết mọi giấy tờ, tài liệu về Khuổi Nậm nhưng có một việc cần phải chuyển mà chưa chuyển được.

Mọi người ngơ ngác nhìn nhau tự hỏi. Bác nói tiếp: Còn luống rau là chưa chuyển được. Vậy ta phải xoá hết dấu tích đi !

Thế là toàn bộ cơ quan nhổ rau, xoá luống, làm cho kẻ địch không nghĩ rằng nơi đây là cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Và cũng tại Khuổi Nậm, chuyện kể rằng: Các vị trong cơ quan bàn nhau mua gà về nuôi, sau đấy mua một con gà trống về nhốt trong lồng. Bác thấy, hỏi: Ta chưa đủ gạo ăn, các chú lấy gì mà nuôi gà? Có người trả lời Bác: Thưa Bác, chúng cháu bắt sâu bọ cho gà ăn ạ! Bác nhất trí cho nuôi gà. Đến khi gà lớn, chú gà trống cất tiếng gáy vang rừng Khuổi Nậm. Bác nhận ra thế này thì lộ. Bác bảo: Gà gáy vang rừng thế này chắc lộ bí mật. Các anh đề nghị: Hay là ta làm thịt. Bác lại bảo: Ừ thì làm thịt, khi làm xong thịt còn phải nhâm nháp bộ lòng với rượu Đông Khê cho vui!

*

Đêm Cao Bằng trời xanh trong đến lạ, từ nhà nghỉ Bằng Giang nhìn xuống hướng đông, giòng sông Bằng Giang như dải lụa quện mình trong sương sớm. Xa xa những ngọn núi đá vôi xếp hàng theo hướng đông nam - tây bắc hùng vĩ vây quanh như một bức tường thành.

Năm 1969, khi Bác Hồ qua đời, nhân dân Pắc bó ra suối Lê Nin sắp hàng tưởng niệm Bác và thống nhất để tang Bác ba năm. Họ đứng nghiêm bên giòng suối Lê Nin tiến

đưa Người. Và mỗi người uống một ngụm nước suối Lê Nin đưa Bác về cõi vĩnh hằng.

*

Cao Bằng rộng 6.690 km², đường biên giới giáp với Trung quốc có 313 km. Toàn tỉnh vào thời điểm chúng tôi đến có 5,5 ha canh tác lúa 2 vụ, còn lại toàn là đất đồi, gò trồng ngô. Cao Bằng có 30% là núi đá vôi, giao thông chủ yếu là đường bộ. Có ba cửa khẩu chính. Xuất khẩu của Cao Bằng là chiếu, manh trúc cuộn dùng để nằm cho mát, hạt dẻ, lê, đào, mận.

Về du lịch, Cao Bằng có tiềm năng rất lớn do cảnh quan thiên nhiên tạo nên phong cảnh hữu tình của thác Bản Giốc và một số nơi khác. Vừa qua, năm 2000 qua Hiệp định biên giới, ta với bạn thống nhất đường biên, lấy đường giữa sông làm giới.

Thác Bản Giốc (Ảnh: Hoàng Nam)

Thác ở Cao Bằng rất đẹp, lại có hang động đẹp do núi đá vôi tạo thành.

Cao Bằng còn có hồ Thanh An, hồ là nơi liên quan đến chuyên cổ

Thạch Sanh - Lý Thông nơi chín đại bàng gặp công chúa vào hang, từ đó tiếng đàn Thạch Sanh lay động lòng người.

Cao Bằng có 189 xã, trong đó có 30 xã đặc biệt khó khăn, có 10 xã dọc theo biên giới với Trung Quốc. Cơ cấu kinh tế của Cao Bằng là nông, lâm nghiệp. Có nhà máy gan.



Cao Bằng đang tập trung khai thác kinh tế đất dốc. Tuy thế vẫn có khó khăn là một bộ phận dân cư còn thiếu nước sạch sử dụng. Cao Bằng có 25 dân tộc anh em sinh sống, trong đó khó khăn nhất là người Dao và Mông.

Cao Bằng gạo trắng nước trong
Ai lên nơi ấy chẳng mong ngày về.

(Ca dao)

Thật lạ lắm khi lần đầu đến Cao Bằng, nơi đây là xứ sở của cọn nước giả gạo, có thể nhìn ngắm suối nguồn trong leo lẻo tuôn chảy suốt đêm ngày.

Cao Bằng cũng là vùng văn hoá ẩm thực, nơi có những món ăn lạ đến mức các miền khác không thể nào có được. Một buổi sáng mai lên, dưới trời se lạnh ở Cao Bằng, trong màn sương lã lã chưa vội muốn tan, chúng tôi ngồi trong quán nhỏ ven đường, có thể thưởng thức loại bánh cuốn chan nước canh hầm với xương và phở chua. Bánh cuốn và vùng văn hoá nào chẳng có, Quảng Nam cũng có loại bánh cuốn nhưng có thể biết được rằng bánh cuốn ở Cao Bằng chế biến tinh tế và khéo léo. Vị bánh cuốn ở Cao Bằng cũng khác. Bánh ngon, vừa dai lại có vị thơm của mùi tinh bột gạo Cao Bằng ngọt vè dẻo. Bánh ăn với nước canh xương thoảng mùi ớt măng ngâm của vị quả mát mật, thảo quả thì ngon miệng một bữa sáng hây hây lạnh trên xứ sở Cao Bằng.

Thế còn món phở chua có nhiều mùi gia vị trộn lẫn nhau vừa miến và bánh phở, khoai (các loại) và thịt ba chỉ, dĩa dày lợn cắt nhỏ tào dầu vàng rộm, trộn thêm nước mắm ớt và đậu phụng nữa trong một tô bốc “khói” thơm lừng

hấp dẫn. Nhâm nhi một tô phở chua, bằng lòng với một chuyến rong chơi khi bỏ lại chén rượu phương Nam, ta đi cùng em và mọi người về xứ sở Cao Bằng ngồi nghe sương khói mờ mờ se lạnh vùng cao Đông Bắc. Thật là những ngày thú vị khi được nhâm nháp mùi vị một tô phở chua, có cảm giác chen xen nhiều mùi vị trộn lẫn trong hơi thở nồng nàn thơm dịu.

Lại còn các món ăn ngon miệng khác hấp dẫn du khách phương xa đến, đây là các món ăn chế biến từ thịt lợn như thịt lợn ướp bột gạo chua của huyện Bảo Lâm, Bảo Lạc. Món thịt nướng, chả cuốn mát mát ở huyện Quảng Yên, rồi còn có món thịt quay, lợn sữa quay, nhồi với lá mát mát vàng hươm thật béo, thơm lừng tỏa lên một góc phố.

Cao Bằng đã dùng sản vật thổ nghi của địa phương tạo nên những món ăn, mùi gia vị sẵn có tại núi rừng Đông Bắc, tạo nên những món ăn ngon thật bất ngờ mà các xứ sở khác không gặp như món ong đất xào măng rừng, hoặc như lẩu cá chua, xôi trám đen thơm ngát, món xào rêu đá Tàu Quỳ, cốm hạt dẻ, bánh khảo, khâu sli, bánh gio, cơm lam chấm măng ớt hoặc với muối mè, đường quả tình ăn thoải mái mà còn thích. Các món ăn ngon miệng như thế lại được nhâm nhi với ly rượu Táp Nà của huyện Thông Nông, hay như rượu Lầu Pảng của huyện Hà Quảng chế biến từ bột cây bàng trên núi đá, trộn men từ quả trầm hương ủ xong hạ thổ ba mươi ngày, chùng nào cảm nhận được tiết trời dịu mát của mùa thu se se thì bươi lên đem chưng mà dùng thì thật là không thể chê vào đâu được cái mùi vị riêng của Cao Bằng.

Như vậy đây, dọc trên suốt cuộc hành trình chỉ nói riêng về ẩm thực vùng Cao này, khi chúng tôi ngang qua gặp những món ăn đặc sản có trong dân gian như lê của huyện Đông Khê mùi thơm vị ngọt, đến huyện Nguyên Bình lại gặp mật ong đặc sánh, rồi đường mía, dưa hồng của huyện Phục Hoá, Bảo Lâm, Bảo Lạc; chúng tôi dừng lại nghỉ chân ở Phục Hoá, bổ ngay vài quả dưa hồng giải khát, vị ngọt lại thơm. Đã khát. Rồi còn các loại măng khô, măng bào chua, hạt dẻ;...tất cả hãy cứ nhâm nhi cùng ly chè đá Thạch An quả là rất tuyệt vời trong một chuyến đi cùng em và với mọi người về xứ sở Cao Bằng rung rung sương lạnh.

Ngày 15/6/2001

Bình minh trên Cao Bằng sương mù vây phủ, trời lạnh lạnh, gió tạt từ sông Bằng Giang lên mát lịm người. Tôi đẩy cửa sổ nhìn sang phía bên kia sông có hai vợ chồng nhà ai đang bủa lưới cần cù bên giòng sông yên ả phù sa màu nâu hồng màu mỡ.

Hít một hơi căng lồng ngực, sáng khoái và phấn chấn nhìn Cao Bằng trong bình minh như một bức tranh sông núi điệu đà.

Từ Cao Bằng, chúng tôi đi Nà Pặc, một địa điểm trung chuyển lên Thái Nguyên. Xe theo hướng đông nam - tây bắc, vượt qua những sườn đồi nhấp nhô núi đá. Đường truông và đèo dốc. Dài và hiểm trở là đèo Giang. Ở một khúc cua, một xe tải đập vào sườn núi hất bánh lên trời và

rồi hai chiếc xe chở toàn dưa hấu chạy từ hướng Cao Bằng lên Thái Nguyên cũng đã bị hất tung lên do đèo dốc, hiểm trở. Chúng tôi không nói với nhau điều gì. Trên xe yên lặng qua những khúc cua nhạy cảm !

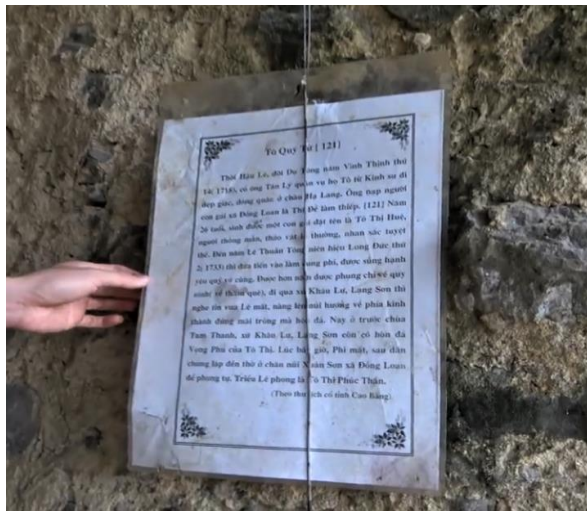
Đèo Giang (Ảnh Báo Lao Động)



Đến Cao Bằng những ngày hè tháng sáu, nghe người dân nơi đây kể chuyện về nàng Tô Thị. Lại nhớ những năm đi học lần theo chuyện cổ dân gian trong đó có chuyện Nàng Tô Thị hóa

đá trông chồng. Học sinh như tôi chỉ biết qua chuyện kể (như có lần đã kể). Ấy vậy mà mấy hôm nay đến Cao Bằng lại còn biết thêm một chuyện nữa về nàng Tô Thị hóa đá tại Lạng Sơn. Người dân ở đây kể rằng: Nàng Tô Thị là có thật, nay tại xã Đông Loan, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng còn có đền thờ Bà. Mặc dầu qua thăng trầm biến đổi của thời gian đền đã xuống cấp, nhưng người trong dòng họ Tô tại xã Đông Loan, huyện Hạ Lang vẫn hương khói thường xuyên vào những ngày Rằm, mùng Một hằng tháng. Chuyện được người dòng tộc Tô kể và Thư tịch cổ tại tỉnh Cao Bằng chép lại thì đây là vị nhân thần ? chứ đâu là thần thoại hư cấu. Vậy mà lâu nay vẫn cứ tưởng là truyền thuyết. Thực hư thế nào nhưng thực tại còn có đền thờ và bản *Tô Quý Từ (121)* chép trên giấy A3, dán lên vách đá tại đền thờ Bà. Chép rằng:

“*Thời Hậu Lê, đời Dụ Tông năm Vĩnh Thịnh thứ 14 (1718), có ông Tán Lý quân vụ họ Tô từ kinh sư đi dẹp giặc, đóng quân ở châu Hạ Lang. Ông nạp người con gái xã Đông Loan là Thị Đề làm thiếp. (121) Năm 26 tuổi sinh được một con gái đặt tên là Tô Thị Huệ, người thông minh, tháo vát lạ thường, nhan sắc tuyệt thế. Đến năm Lê Thuần Tông niên hiệu Long Đức thứ 2 (1733) thì đưa tiến vào làm cung phi, được sủng hạnh yêu quý vô cùng. Được hơn năm được phụng chỉ về quy ninh (về thăm quê), đi qua xứ Khâu Lư, Lạng Sơn thì nghe tin vua Lê mất, nàng lên núi hướng về phía kinh thành đứng mãi trông mà hóa đá. Nay ở trước chùa Tam Thanh, xứ Khâu Lư, Lạng Sơn còn có hòn đá Vọng Phu của Tô Thị. Lúc bấy giờ Phi mất, sau dân chúng lập đền thờ ở chân núi Xuân Sơn xã Đông Loan để phụng tự. Triều lê phong là Tô Thị Phúc Thần.*” (Theo thư tịch cổ tỉnh Cao Bằng).



Tô Quý Từ (121)



Đền thờ (nhìn từ trên cao)

(Ảnh: Hoàng Nam)



Ban Thờ trong đền



Đền thờ nàng Tô Thị

(Ảnh: Hoàng Nam)

Từ Nà Pặc qua Tuyên Quang 78 km, qua Khuổi Nậm Lài (Đây là khu du lịch của Cao Bằng). Lại vượt đèo!

Đến 8 giờ 30 phút, xe chúng tôi tiến vào địa phận Bắc Cạn. Lại đèo cao, dốc núi, hai bên đường toàn là hoa mua màu tím. Rừng xanh một màu bình yên đến lạ. Bên bìa rừng, người dân tộc đang càn cù làm nương rẫy. Lúa đã trổ đòng, có nơi mới chỉ lên đòng. Ngang qua Nà Pặc gặp một đường ngang lên hồ Ba Bể. Xe chạy đến Nà Tu, một di tích lịch sử của Bắc Cạn. Vào thăm không? Có ai nhìn đồng hồ bảo: Không còn quỹ thời gian nữa rồi!

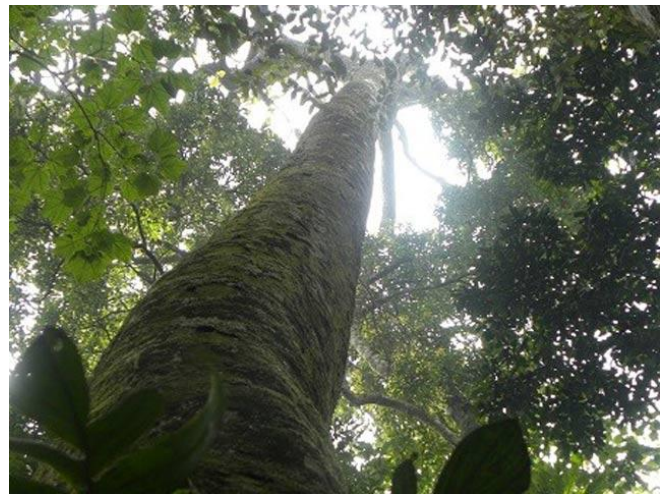
Vào Bắc Cạn lúc mười một giờ 30 phút trưa. Trời nắng chang chang trên đầu, gió lại phả mùi núi rừng vào mũi nồng nàn. Lóng ngóng vài phút tìm nơi ăn trưa. Tôi nhảy xuống xe, bước nhanh vào quán Trường Sơn, cách thị xã Bắc Cạn 4 km. Chúng tôi ăn cơm tại đây. Không như ở Cao Bằng có món rau dạ nghiền và món củ mài nấu canh, ở đây chỉ có canh mồng tơi và đọt bí luộc chấm mắm. Cá kho

tương có mùi hăng hăng không giống khẩu vị nhiều miền quê khác.

Mười ba giờ mười phút, chúng tôi rời Bắc Cạn đi về Bắc Thái. Nơi đây có sản phẩm trà Bắc Thái nổi tiếng cả nước. Qua Định Hoà xuống Thái Nguyên. Hai bên sườn núi chạy về Thái Nguyên trông như tranh vẽ, đẹp mắt, từng dãy đồi nghiêng dưới ánh nắng mặt trời, chè được trồng thẳng lối, theo hàng trải từ chân núi lên đến lưng chừng sườn. Đây là chè Thái Nguyên, ngon và thơm! Sản lượng của các vùng chè miền Bắc nước ta không chỉ tiêu thụ trong nước mà còn xuất khẩu ra nước ngoài.

Cây chè Thái Nguyên (Ảnh: Dân Việt)

Ngang qua thị trấn Phú Lương, nơi đây có chợ Phú Lương sầm uất theo kiểu chợ vùng cao. Đến thị trấn Giang Tiên, từ đây chúng tôi vào cửa ngõ Thái Nguyên.



Người miền núi nhiệt tình phải biết, họ dạt dào tình cảm, hiếu khách, vô tư nhưng khổ một nỗi là vẫn còn nghèo. Thiên nhiên ở đây quá đẹp, nhẹ nhàng như thủy mặc, nhất là ban mai khi ngọn cỏ ven sông còn đọng sương đêm.

Đến Thái Nguyên phải vào Nhà Văn hoá các dân tộc miền núi. Đây có thể coi là một bộ sưu tập các dân tộc từ

Nam chí Bắc của Việt Nam. Có cả 54 dân tộc của Việt Nam họp mặt nơi này. Chúng tôi dạo quanh một vòng các căn phòng, mỗi dân tộc được dành một phòng để trang trí, giới thiệu đặc trưng văn hoá của dân tộc mình. Tôi vào một gian người Mường, nhìn thấy bếp núc, nồi niêu... vào gian nhà người Kinh thấy bố trí toàn cảnh một ngôi nhà người Việt thời xưa... vào gian người Khmer thấy treo trên vách nhà đủ các loại dụng cụ như lưới, nui, lò, nơm...đánh bắt cá, tôm trên đồng bằng sông Cửu Long... Anh Huỳnh Văn chú ý nhiều nhất là gian phòng của người Cơ Tu và đã phát hiện ra trong bộ sưu tập các dân tộc miền núi Quang Nam có hai cô gái Cơ Tu mà Sanh quen. Chụp ảnh kỷ niệm.

Rời nhà Bảo tàng văn hoá các dân tộc miền núi, đoàn chúng tôi lên hồ Núi Cốc, cách thành phố Thái Nguyên 20 km. Nơi đây đã từng là nguồn cảm hứng cho bao thế hệ thơ văn nhạc hoạ đến lấy tư liệu và sáng tác. Phó Đức Phương đã viết bài hát Hồ trên núi nổi tiếng một thời. Xe chạy, từ trên đèo nhìn xuống hồ Núi Cốc rộng mênh mông, tuông như có khói sóng ban chiều. Chúng tôi chơi môn đi thuyền trong hang núi, nghe kể chuyện "Chàng Cốc kén vợ", âm thanh từ đâu trong các vách núi vọng ra khoan thai trầm ấm. Xe vườn động vật hoang dã: trăn, khỉ, cá sấu, gà, gà lôi, đà điểu Châu Phi cao to vạm vỡ thêm ăn, nặng có chừng một tạ mỗi con.
